

Số: 32 /2018/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 20 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý hoạt động du lịch trên các vịnh
thuộc quần đảo Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004,
Luật số 48/2014/QH13 ngày 17 tháng 6 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số
điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001, Luật số
32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22
tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa
cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của
Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của
Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao;

Căn cứ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của
Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về
điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của
Chính phủ về việc sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh
thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 23 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về cấp biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch;

Căn cứ Thông tư số 42/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc quy định điều kiện của người điều khiển phương tiện, nhân viên phục vụ, trang thiết bị, chất lượng dịch vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGTVT ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải về việc quy định quản lý và khai thác thông tin nhận dạng tự động của tàu thuyền;

Theo đề nghị của Sở Du lịch tại Tờ trình số 08/TTr-SDL ngày 29/6/2018, Công văn số 573/SDL-QHKHPTDL ngày 02/8/2018 và Công văn số 829/SDL-QHKHPTDL ngày 09/11/2018; của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 35/BC-STP ngày 29/6/2018 và các Công văn: số 1353/STP-XD&KTVB ngày 13/9/2018, số 1635/STP-XD&KTVB ngày 29/10/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hoạt động du lịch trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 12 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, ngành: Du lịch, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tư pháp, Công Thương, Y tế, Công an thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Hải Phòng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: VHTTDL, GTVT, TP;
- Tổng cục Du lịch;
- Cục KTVB QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH TP Hải Phòng;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các VP: TU, HĐND TP;
- Các Ban: TU, HĐND TP;
- Như Điều 3;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Báo Hải Phòng, Đài PT&TH HP;
- Công TTĐT TP, Công báo TP;
- Các Phòng chuyên viên;
- Các Chuyên viên UBND TP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Khắc Nam

QUY CHẾ

**Quản lý hoạt động du lịch trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà,
huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2018/QĐ-UBND ngày 20 /11/2018
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc quản lý các hoạt động du lịch trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà, bao gồm quản lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch và các hoạt động khác có ảnh hưởng đến môi trường du lịch, môi trường vùng vịnh thuộc quần đảo Cát Bà.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động du lịch trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dịch vụ du lịch trên vịnh* là việc cung cấp các dịch vụ về vận chuyển, lữ hành, lưu trú, ăn uống, mua sắm, thể thao, vui chơi giải trí và các dịch vụ liên quan khác nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch tham quan các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà.

2. *Dịch vụ vận tải khách du lịch* là việc cung cấp dịch vụ vận chuyển cho khách du lịch bằng các phương tiện thủy nội địa theo tuyến, chương trình du lịch và tại các khu du lịch, điểm du lịch trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà.

3. *Dịch vụ ăn uống và mua sắm* là việc cung cấp các dịch vụ bán hàng ăn uống và cung cấp sản phẩm hàng hóa cho khách du lịch trên các bãi đá, bãi cạn, đảo, hang động, nhà hàng nổi, trên bè, trên các phương tiện vận tải, tàu tham quan, tàu thủy lưu trú du lịch và các tuyến, điểm tham quan du lịch trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà.

4. *Dịch vụ thể thao, vui chơi giải trí* là việc cung cấp các dịch vụ phục vụ các nhu cầu về hoạt động thể thao (thủy phi cơ, lặn biển, chèo thuyền kayak, mô tô nước, leo núi, nhảy dù); các dịch vụ phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí (các

trò chơi, biểu diễn nghệ thuật, các màn trình diễn) nhằm thỏa mãn nhu cầu giải trí, thư giãn của khách du lịch trên vịnh thuộc quần đảo Cát Bà.

5. *Điểm kinh doanh dịch vụ du lịch trên vịnh* là những địa điểm cung cấp các dịch vụ cho khách du lịch trên vịnh được các cấp có thẩm quyền công bố, cấp phép hoạt động.

6. *Cảng, bến khách du lịch đường thủy* là cảng, bến thủy nội địa để phương tiện vận tải hành khách du lịch đường thủy neo đậu đón trả khách và thực hiện các dịch vụ khác (nếu có).

7. *Tàu du lịch* là phương tiện vận tải hành khách đường thủy nội địa, chuyên phục vụ khách du lịch trên vịnh, bao gồm:

a) *Tàu tham quan* là tàu du lịch vận chuyên, phục vụ khách du lịch và không kinh doanh dịch vụ lưu trú qua đêm trên tàu.

b) *Tàu thủy lưu trú du lịch* là phương tiện thủy nội địa chở khách du lịch, có buồng ngủ, trên hành trình có neo lại để cho khách du lịch ngủ qua đêm, đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật, an ninh trật tự và các quy định khác của pháp luật; đảm bảo các tiêu chuẩn về thiết kế kiến trúc, trang thiết bị tiện nghi, dịch vụ và nhân lực theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9372:2012 về Tàu thủy lưu trú - xếp hạng.

8. *Phương tiện chuyển tải* là phương tiện chở khách chuyên hoạt động chuyển tải và phục vụ cho tàu tham quan du lịch, tàu lưu trú du lịch trong vùng nước neo đậu của cảng, bến và khu neo đậu, khi hoạt động phương tiện phải được cấp phép của Cảng vụ đường thủy nội địa.

9. *Khu vực neo đậu* là khu vực neo đậu tàu trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà được quy định tại Khoản 3, Điều 4 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 26/6/2012 của Bộ Giao thông vận tải - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về đảm bảo an toàn giao thông trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa.

10. *Chủ tàu du lịch* là tổ chức, cá nhân sở hữu phương tiện, được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa của tàu.

11. *Chủ cảng, bến* là tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa hoặc được chủ đầu tư giao quản lý cảng, bến thủy nội địa.

12. *Cảng vụ*: Trong Quy chế này, Cảng vụ được hiểu là Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Sở Giao thông vận tải Hải Phòng.

13. *Ban Quản lý các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà* là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải.

14. *Đơn vị khai thác cảng, bến* là tổ chức, cá nhân sử dụng bến để kinh doanh, khai thác.

15. *Bảo vệ môi trường du lịch* là việc ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường, gìn giữ cảnh quan và bảo vệ môi trường trong quá trình tiến hành các hoạt động đầu tư, kinh doanh du lịch, bảo vệ và phát huy giá trị di tích, bảo đảm phát triển du lịch đi đôi với bảo tồn, phát huy tối đa các lợi thế tự nhiên, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc.

Điều 4. Quy định chung đối với các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà

1. Hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch phải tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực, Quy chế này và các quy định khác có liên quan; phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch bền vững quần đảo Cát Bà, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch phân khu chức năng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chỉ được hoạt động kinh doanh trong các khu vực, điểm dịch vụ du lịch được công bố và có dự án, phương án hoạt động, đầu tư, quản lý khai thác dịch vụ được chấp thuận của cơ quan có chức năng quản lý trên địa bàn.

3. Đăng ký mẫu vé hoặc chứng từ thu dịch vụ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; niêm yết công khai bảng giá chi phí dịch vụ; nộp các loại thuế, phí và lệ phí theo quy định.

4. Thông tin công khai, minh bạch số lượng, chất lượng, giá cả các dịch vụ, hàng hóa cung cấp cho khách du lịch; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết với khách du lịch, chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho khách du lịch trong trường hợp lỗi của mình gây ra. Thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử văn minh du lịch của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Có hòm thư góp ý, đặt ở vị trí dễ quan sát, đảm bảo thẩm mỹ, chất liệu thân thiện với môi trường. Các công cụ góp ý khác như: Hòm thư điện tử, số điện thoại đường dây nóng của Sở Du lịch, Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải, Công an huyện Cát Hải, Đồn Biên phòng Cát Hải được công bố công khai, rõ ràng trên Bảng nội quy, Bảng niêm yết giá và những nơi dễ nhận biết.

6. Có đủ trang thiết bị để thu gom, xử lý chất thải, nước thải và ứng phó với sự cố môi trường có thể xảy ra; thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường, cải thiện môi trường và khắc phục hậu quả do sự cố môi trường.

7. Có đầy đủ trang thiết bị, phương án đảm bảo an toàn tính mạng, sức khỏe, tài sản của khách du lịch; có trách nhiệm thông báo ngay cho cơ quan chức năng về tai nạn hoặc nguy hiểm, rủi ro có thể xảy ra đối với khách du lịch để có biện pháp giải quyết kịp thời và huy động, tham gia lực lượng cứu hộ.

8. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch trên vịnh chỉ ký kết hợp đồng du lịch với doanh nghiệp lữ hành đủ điều kiện kinh doanh lữ hành.

9. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quy định chung về bảo vệ môi trường trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà

1. Mọi hoạt động trong khu vực quần đảo Cát Bà không vi phạm các điều cấm tại Luật Di sản văn hóa; Luật Bảo vệ môi trường; Luật Đa dạng sinh học; Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Luật Bảo vệ và phát triển rừng; Luật Du lịch; Pháp lệnh bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

2. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà có trách nhiệm cam kết bảo vệ môi trường vịnh; đăng ký quy mô, nội dung, hình thức hoạt động dịch vụ với Ban Quản lý các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà và chấp hành nghiêm các nội dung đã cam kết, chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng có liên quan. Cùng với người dân địa phương có trách nhiệm giữ gìn và bảo vệ môi trường du lịch, bảo tồn, tôn tạo, phát huy các giá trị của tài nguyên du lịch. Không xây dựng các công trình, dự án khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

3. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch, nuôi trồng thủy sản trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà khi phát hiện những hành vi vi phạm làm ảnh hưởng đến bảo tồn, đa dạng sinh học, có trách nhiệm kịp thời thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và phối hợp ngăn chặn, xử lý khi được yêu cầu. Tuân thủ các quy định tham gia các hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị tài nguyên du lịch các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà.

4. Việc khai thác các nguồn nước biển ven bờ cho mục đích kinh doanh dịch vụ du lịch phải được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo khai thác, sử dụng bền vững nguồn nước.

5. Các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch không xâm hại đến đa dạng sinh học, nhất là các hệ sinh thái rừng ngập mặn, bãi triều, hệ sinh thái hang động, thực vật tự nhiên của quần đảo Cát Bà.

6. Không khai thác khoáng sản, nuôi trồng thủy sản trái phép; săn bắn, khai thác và mua bán các loài động, thực vật hoang dã của quần đảo Cát Bà.

7. Không xả rác thải, nước thải, đồ bùn đất, hóa chất tẩy rửa trực tiếp xuống các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà.

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Các hoạt động xâm phạm quốc phòng an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, phát tán tài liệu, truyền đạo trái phép, các hành vi mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội.

2. Các hoạt động xâm hại tài nguyên du lịch, môi trường du lịch và các hành vi hủy hoại hoặc gây nguy cơ hủy hoại môi trường tự nhiên và các hành vi trái pháp luật khác.

3. Phân biệt đối xử đối với khách du lịch; tranh giành, nài ép khách mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ; các hành vi ép giá, thu lợi bất chính từ khách du lịch.
4. Kinh doanh các dịch vụ không có giấy phép kinh doanh, không có đăng ký kinh doanh hoặc kinh doanh không đúng ngành nghề, phạm vi kinh doanh được cấp phép.
5. Sử dụng tư cách pháp nhân của tổ chức khác hoặc cho người khác sử dụng tư cách pháp nhân của mình để hoạt động kinh doanh trái pháp luật.
6. Tuyên truyền, giới thiệu sai lệch các giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam. Chụp ảnh, quay clip tại các khu vực quân sự, quốc phòng.
7. Các hành vi phá đá, nổ mìn, đào đắp, san lấp trên diện tích có rừng, gây xói mòn đất, trượt lở đất đá, làm mất rừng tự nhiên, gây ô nhiễm môi trường. Neo đậu tàu thuyền tại những khu vực bảo tồn san hô.
8. Quảng cáo, kinh doanh mua, bán, chế biến thực phẩm từ các loài sinh vật rừng, biển bị cấm săn bắn; buôn, bán các chế phẩm, sản vật có nguồn gốc từ các loài sinh vật đặc hữu, quý hiếm được ghi trong Sách đỏ Việt Nam và thế giới. Quảng cáo không đúng chất lượng; loại, hạng của các phương tiện vận tải hành khách đường thủy nội địa và dịch vụ du lịch trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà.
9. Tổ chức các hoạt động dịch vụ du lịch khi có giông, bão, thời tiết bất thường hoặc trong các điều kiện mà các cơ quan có thẩm quyền không cho phép.
10. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của Luật Du lịch và pháp luật có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DỊCH VỤ DU LỊCH SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Mục 1

DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH BẰNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 7. Quy định về kinh doanh dịch vụ vận tải khách du lịch

1. Đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải khách du lịch đảm bảo các điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa; Điều 5, Điều 7 Thông tư số 42/2017/TT-BGTVT ngày 15/11/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện của người điều khiển phương tiện, nhân viên phục vụ, trang thiết bị, chất lượng dịch vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch; Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 23/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về cấp biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch.

Phương tiện vận tải phục vụ khách du lịch phải đảm bảo các điều kiện quy định tại Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 của Chính phủ; các điều kiện về an toàn phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ; Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy; Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/07/2017 quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy; Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ Công an về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; Thông tư số 17/2018/TT-BGTVT ngày 09/4/2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định quản lý và khai thác thông tin nhận dạng tự động của tàu thuyền; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 72:2013/BGTVT của Bộ Giao thông vận tải về quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT của Bộ Giao thông vận tải về quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa.

2. Phương tiện của các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà phải neo đậu tại các bến được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động. Có phương án bảo vệ môi trường; thu gom, xử lý chất thải trên tàu, chất thải từ bể phốt vệ sinh, dầu cặn thu được khi sử dụng thiết bị phân ly dầu nước (hoặc thiết bị tương đương). Trước và sau mỗi chuyến vận chuyển khách phải làm vệ sinh phương tiện sạch sẽ.

3. Trách nhiệm của thuyền trưởng, thuyền viên, người lái phương tiện và nhân viên phục vụ trên phương tiện thủy được quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 26/6/2012 của Bộ Giao thông vận tải - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa; Điều 23 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

Điều 8. Quy định đối với khách du lịch sử dụng dịch vụ vận tải

1. Thực hiện các quy định tại Điều 11, Điều 12 Luật Du lịch.
2. Thực hiện các quy định về an ninh trật tự, nội quy vận tải hành khách trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà và hướng dẫn thực hiện các biện pháp an toàn của thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện.

3. Mua vé hành khách hoặc trả cước phí vận tải theo đúng quy định; mua đầy đủ vé tham quan các tuyến, điểm du lịch theo quy định; thanh toán chi phí dịch vụ theo đúng thỏa thuận.

4. Khai đúng các nội dung khi chủ tàu du lịch lập danh sách hành khách.

5. Có mặt tại nơi xuất phát đúng thời gian quy định hoặc đã thỏa thuận.

6. Không mang theo hành lý thuộc loại hàng hóa mà pháp luật cấm lưu thông, cấm vận tải chung với người.

7. Tuân thủ các nội quy về bảo vệ môi trường tại các bến cảng, trên các phương tiện thủy và những điểm đến du lịch; không xả các chất thải, rác thải xuống vịnh; không mang hóa chất độc hại, chất nổ, chất dễ gây cháy khi tham gia các hoạt động du lịch.

Điều 9. Những hành vi không được thực hiện trong kinh doanh dịch vụ vận tải khách du lịch

1. Chạy không đúng tuyến; đón, trả khách không đúng nơi quy định; vi phạm các quy định pháp luật về an toàn giao thông đường thủy nội địa, chất lượng phục vụ khách du lịch và các quy định về giá, phí.

2. Phương tiện vận chuyển khách du lịch chở vượt quá số khách tham quan theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.

3. Sử dụng phương tiện vận chuyển khách du lịch đã hết thời hạn đăng kiểm.

4. Ăn ở, sinh hoạt theo quy mô hộ gia đình trên các phương tiện vận tải thủy.

5. Dùng phương tiện thủy nội địa hoạt động kinh doanh lữ hành khi chưa đủ điều kiện kinh doanh lữ hành theo quy định hiện hành của pháp luật.

6. Có hành vi lừa đảo hoặc cấu kết với người khác để lừa đảo khách du lịch. Không xuất hóa đơn, vé hành khách hợp lệ cho khách du lịch theo quy định.

7. Tự ý thay đổi kết cấu, tính năng, công dụng của tàu du lịch.

8. Các hành vi khác có liên quan vi phạm quy định của pháp luật và Quy chế này.

Mục 2

QUY ĐỊNH VỀ TÀU DU LỊCH

Điều 10. Quy định về an toàn, kỹ thuật, trang thiết bị và hoạt động đối với tàu tham quan, tàu thủy lưu trú, nhà hàng nổi và khách sạn nổi

1. Đối với tàu tham quan và nhà hàng nổi:

- Có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này. Đảm bảo phương tiện và trang thiết bị trong điều kiện hoạt động tốt, vệ sinh môi trường và chất lượng dịch vụ theo đúng quy định, chế độ thông tin liên lạc đảm bảo hoạt động 24/24 giờ.

- Đảm bảo thực hiện đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 45, Điều 46, Điều 47 Luật Du lịch.

2. Đối với tàu thủy lưu trú du lịch và khách sạn nổi:

- Thực hiện đầy đủ các quy định về kinh doanh dịch vụ lưu trú tại Điều 25, Điều 44 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này. Đảm bảo phương tiện và trang thiết bị trong điều kiện hoạt động tốt, vệ sinh môi trường và chất lượng dịch vụ theo đúng quy định, chế độ thông tin liên lạc đảm bảo hoạt động 24/24 giờ. .

- Đảm bảo thực hiện đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 49 và Điều 53 Luật Du lịch; các điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; Điều 5 Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 11. Quy định về cấp biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận tải khách du lịch và xếp hạng tàu thủy lưu trú du lịch, nhà hàng nổi, khách sạn nổi

1. Biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận tải khách du lịch do Sở Giao thông vận tải cấp theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

2. Sở Du lịch xếp hạng: Tàu thủy lưu trú du lịch theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9372:2012 về Tàu thủy lưu trú - Xếp hạng; khách sạn nổi theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4391:2015 về Khách sạn - Xếp hạng; nhà hàng nổi đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

3. Kết quả xếp hạng tàu thủy lưu trú du lịch dùng để xác định chất lượng dịch vụ của tàu và là cơ sở để xây dựng đơn giá bán dịch vụ lưu trú nghỉ đêm và các loại hình dịch vụ khác trên tàu.

Điều 12. Quy định khác

1. Đối với tàu tham quan:

a) Đảm bảo các điều kiện quy định tại Khoản 2, Điều 5 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 26/6/2012 của Bộ Giao thông vận

tải - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa.

b) Các hướng dẫn về an toàn và giá dịch vụ thể hiện bằng tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Trung.

c) Xây dựng và thực hiện phương án phòng chống giông bão, chống đắm và cứu hộ cứu nạn tại chỗ.

d) Mỗi tàu bố trí 01 két sắt chống cháy có khóa bằng mật mã để bảo quản tài sản của khách du lịch.

đ) Các phương tiện thủy nội địa phải niêm yết số điện thoại đường dây nóng (hotline) của Sở Du lịch, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải, Công an huyện Cát Hải, Đoàn Biên phòng Cát Hải. Lập danh sách hành khách trên phương tiện thủy theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy chế này, danh sách được lập thành 02 bản cho mỗi chuyến tàu, 01 bản giao cho Thuyền trưởng và 01 bản lưu tại Cảng vụ nơi cấp phép rời cảng, bến trong 30 ngày.

2. Đối với tàu thủy lưu trú du lịch:

a) Đảm bảo các điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều 5 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 26/6/2012 của Bộ Giao thông vận tải - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa.

b) Chủ tàu thủy lưu trú du lịch có trách nhiệm khai báo đăng ký tạm trú cho khách du lịch lưu trú với cơ quan Công an theo quy định tại Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Mục 3

QUY ĐỊNH VỀ CẢNG, BẾN VÀ CẤP PHÉP CHO TÀU DU LỊCH VÀO, RỜI CẢNG, BẾN ĐÓN, TRẢ KHÁCH

Điều 13. Quy định về cảng, bến khách du lịch

1. Cảng, bến khách du lịch, bao gồm: Cảng, bến trong đất liền; cảng, bến tại điểm tham quan và khu vực neo đậu tàu thủy lưu trú du lịch.

2. Quản lý hoạt động của cảng, bến khách du lịch: Đảm bảo các quy định tại Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển và Điều 4 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 26/6/2012 của Bộ Giao thông vận tải - Bộ Văn hóa,

Thể thao và Du lịch quy định về bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa.

3. Trách nhiệm của chủ cảng, bến: Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

Điều 14. Cấp phép tàu vào, rời cảng, bến đón, trả khách

1. Cảng vụ cấp giấy phép vào, rời cảng bến theo quy định hiện hành. Căn cứ cấp tàu, vùng hoạt động, khả năng khai thác và bản tin dự báo thời tiết vùng biển Hải Phòng do Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Hải Phòng cung cấp, Cảng vụ cấp phép cho tàu hoạt động. Trường hợp Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Hải Phòng có cảnh báo thời tiết nguy hiểm khi tàu du lịch đang hành trình tham quan vịnh, Cảng vụ thông báo cho các đơn vị liên quan và chủ tàu du lịch, thuyền trưởng biết, chủ động theo dõi diễn biến thời tiết, có biện pháp phòng tránh và vào nơi trú ẩn an toàn.

2. Giấy phép vào cảng, bến có giá trị sử dụng trong 30 ngày kể từ ngày cấp.

3. Tại các cảng, bến ở điểm tham quan, khu vực lưu trú, thuyền trưởng sử dụng giấy phép rời cảng, bến đã cấp cho tàu tại cảng, bến trong đất liền, để trình báo với đại diện Cảng vụ và làm cơ sở xác nhận cho tàu chuyển tuyến hoặc về cảng, bến trong đất liền.

Điều 15. Thời gian tàu vào cảng, bến

1. Mùa hè (tính từ ngày 01/4 đến hết ngày 31/10): Chậm nhất đến 19^h00.

2. Mùa đông (tính từ ngày 01/11 đến hết ngày 31/3 năm sau): Chậm nhất đến 18^h30.

3. Thời gian đưa tàu vào khu vực lưu trú chậm nhất là 18^h30 (đối với mùa đông), 19^h00 (đối với mùa hè).

Điều 16. Quy định về không cấp phép rời cảng, bến

Cơ quan Cảng vụ từ chối cấp phép rời cảng, bến cho tàu du lịch hoạt động phục vụ khách du lịch trên vịnh trong các trường hợp sau:

1. Khi thời tiết có diễn biến xấu phức tạp theo thông báo của Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Hải Phòng và khi điều kiện thời tiết có cấp gió vượt quá mức cho phép đối với cấp kỹ thuật của tàu.

2. Tàu du lịch vận chuyển khách tham quan theo các tuyến tại Phụ lục 02 kèm theo Quy chế này không có giấy phép rời cảng, bến cuối cùng; tàu đưa khách đến các điểm du lịch chưa được công bố theo quy định.

3. Khi có quyết định hoặc kết luận của cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm của thuyền viên, nhân viên trên tàu du lịch hoặc chủ tàu du lịch.

4. Các trường hợp vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Chương III
DỊCH VỤ ĂN UỐNG, MUA SẮM, THỂ THAO, VUI CHƠI GIẢI TRÍ
VÀ DỊCH VỤ LIÊN QUAN KHÁC

Mục 1
DỊCH VỤ ĂN UỐNG VÀ MUA SẮM

Điều 17. Quy định đối với tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh dịch vụ ăn uống và mua sắm

Thực hiện theo các quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch và các quy định sau:

1. Có phương án, trang thiết bị an toàn phòng cháy và chữa cháy phù hợp, đủ số lượng, đảm bảo chất lượng để ở vị trí thuận tiện cho việc sử dụng theo quy định. Có hệ thống cấp nước sinh hoạt và hệ thống thoát nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Có thùng thu gom chất thải và rác thải.

2. Địa điểm kinh doanh phải cách xa khu vệ sinh công cộng, bãi chứa rác thải, nơi sản xuất có thải ra nhiều bụi, chất độc hại có thể gây ra các bệnh truyền nhiễm ít nhất là 100 mét.

3. Nhân viên phục vụ phải được đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc về kiến thức nghiệp vụ du lịch, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ cứu nạn.

4. Thực hiện văn minh thương mại và tuân thủ các quy định pháp luật về thương mại hiện hành.

5. Thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử văn minh du lịch của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Ngừng kinh doanh, thông tin cho tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu và người tiêu dùng khi phát hiện thực phẩm không bảo đảm an toàn. Báo cáo ngay với cơ quan có thẩm quyền và khắc phục hậu quả khi phát hiện ngộ độc thực phẩm hoặc bệnh truyền qua thực phẩm do mình kinh doanh gây ra.

7. Sau khi kết thúc hoạt động kinh doanh dịch vụ phải trả lại hiện trạng cảnh quan, môi trường như ban đầu.

Điều 18. Quy định đối với khách du lịch sử dụng dịch vụ ăn uống và mua sắm

1. Thực hiện các quy định tại Điều 11, Điều 12 Luật Du lịch.

2. Thực hiện đúng các quy định và hướng dẫn của người sản xuất, người nhập khẩu, người bán hàng về việc vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng sản phẩm, hàng hóa.

3. Cung cấp thông tin khi phát hiện nguy cơ gây mất an toàn thực phẩm, khai báo ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm với Ủy ban nhân dân huyện, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ ăn uống.

4. Thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử văn minh du lịch của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường tại các điểm kinh doanh dịch vụ; không xả các chất thải, rác thải xuống vịnh.

Điều 19. Những hành vi không được thực hiện trong kinh doanh dịch vụ ăn uống và mua sắm

1. Kinh doanh sản phẩm thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định; hàng hóa không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng; không có nguồn gốc xuất xứ; sản phẩm, hàng hóa đã hết hạn sử dụng.

2. Sử dụng nguyên liệu không được dùng để chế biến thực phẩm; nguyên liệu, thực phẩm quá thời hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc, xuất xứ hoặc không bảo đảm an toàn để chế biến thực phẩm.

3. Sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm đã quá thời hạn sử dụng, ngoài danh mục được phép sử dụng hoặc trong danh mục được phép sử dụng nhưng vượt quá giới hạn cho phép; sử dụng hóa chất không rõ nguồn gốc, hóa chất bị cấm sử dụng trong hoạt động kinh doanh dịch vụ ăn uống.

4. Sử dụng động vật chết do bệnh, dịch bệnh hoặc chết không rõ nguyên nhân, bị tiêu hủy để kinh doanh thực phẩm.

5. Cung cấp sai hoặc giả mạo kết quả kiểm nghiệm thực phẩm. Che giấu, làm sai lệch, xóa bỏ hiện trường, bằng chứng về sự cố an toàn thực phẩm hoặc các hành vi cố ý khác cản trở việc phát hiện, khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm.

6. Mua, bán sản phẩm có nguồn gốc từ các loài động, thực vật thuộc danh mục cấm; san hô, nhũ đá và sản phẩm chế tác từ san hô, nhũ đá.

7. Thông tin, quảng cáo sai sự thật hoặc có hành vi gian dối về chất lượng, công dụng, nguồn gốc và xuất xứ của sản phẩm hàng hóa.

8. Sử dụng người mắc bệnh truyền nhiễm tham gia kinh doanh dịch vụ ăn uống.

Mục 2

DỊCH VỤ THỂ THAO, VUI CHƠI GIẢI TRÍ VÀ DỊCH VỤ LIÊN QUAN KHÁC

Điều 20. Quy định đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ thể thao

Thực hiện theo các quy định tại Luật Thể dục, Thể thao và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, Thể thao; Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao và Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

Điều 21. Quy định đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí và dịch vụ liên quan khác

Đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 11, Điều 12 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch và các quy định sau:

1. Thực hiện các quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều 17 Quy chế này.
2. Nhân viên phục vụ phải được đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc về kiến thức nghiệp vụ du lịch, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ cứu nạn.
3. Có biện pháp bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, tinh thần và vật chất cho người sử dụng dịch vụ. Phải chịu trách nhiệm trước pháp luật khi để xảy ra sự cố mất an toàn, an ninh.
4. Có thiết bị thông tin liên lạc phù hợp, radio theo dõi thời tiết; trang thiết bị an toàn, đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, để ở vị trí thuận tiện cho việc sử dụng.
5. Lắp đặt hệ thống phao neo, cờ hiệu giới hạn vùng nước được hoạt động để phân biệt khu vực hoạt động dịch vụ với các khu vực khác. Cảnh báo các nguy hiểm, rủi ro có thể xảy ra cho khách du lịch; thông báo kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền khi có tai nạn xảy ra.
6. Trang bị xuống cứu hộ thường trực và đảm bảo hoạt động trong suốt quá trình tổ chức kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí và dịch vụ liên quan khác.
7. Có tủ thuốc, túi thuốc, dụng cụ y tế và thuốc thông thường theo danh mục của Sở Y tế quy định để chữa trị, sơ cứu khi có tai nạn xảy ra; có bảng khuyến cáo về an toàn, sức khỏe đối với khách du lịch và đặt ở nơi dễ nhìn thấy.

Điều 22. Quy định đối với khách du lịch sử dụng dịch vụ thể thao, vui chơi giải trí và dịch vụ liên quan khác

1. Thực hiện các quy định tại Luật Thể dục, Thể thao và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, Thể thao; Điều 11, Điều 12 Luật Du lịch; Khoản 4 và Khoản 5 Điều 18 Quy chế này.

2. Trong quá trình sử dụng các dịch vụ, khách du lịch cần tuân thủ các quy định và thực hiện đúng yêu cầu của người hướng dẫn, nhân viên phục vụ, nhân viên cứu hộ với từng môn thể thao, từng loại hình vui chơi giải trí và dịch vụ liên quan khác.

3. Chịu trách nhiệm về những hậu quả từ việc không tuân thủ nội quy, hướng dẫn của người hướng dẫn, nhân viên phục vụ, nhân viên cứu hộ.

Điều 23. Những hành vi không được thực hiện trong kinh doanh dịch vụ thể thao, vui chơi giải trí và dịch vụ liên quan khác

1. Tổ chức các dịch vụ thể thao, vui chơi giải trí có nội dung:

a) Chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Kích động bạo lực, chia rẽ khối đoàn kết các dân tộc, truyền bá tư tưởng văn hóa phản động, lối sống đồi trụy; tệ nạn xã hội, cờ bạc, mê tín dị đoan; trái với thuần phong mỹ tục Việt Nam.

c) Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc; vu khống, xúc phạm uy tín, danh dự và nhân phẩm của công dân.

d) Tuyên truyền, giới thiệu sai lệch các giá trị của quần đảo Cát Bà. Các hoạt động xâm hại tài nguyên, môi trường du lịch, hủy hoại hoặc gây nguy cơ hủy hoại di sản và các hành vi trái pháp luật khác.

2. Tạo ra trò chơi mang tính chất cờ bạc, có giải thưởng bằng tiền.

3. Bố trí các trò chơi giải trí cách dưới 200m đối với các địa điểm như: Trường học, cơ quan hành chính Nhà nước, bệnh viện, chốn tôn nghiêm.

4. Tổ chức các dịch vụ thể thao, vui chơi giải trí khi có giông bão, thời tiết bất thường hoặc trong các điều kiện mà các cơ quan có thẩm quyền không cho phép.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 24. Sở Du lịch

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các đơn vị hoạt động du lịch bảo vệ, phát huy giá trị di tích trên quần đảo Cát Bà và thực hiện các quy định tại Quy chế này.

2. Tổ chức kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch trên các vịnh; xử lý hoặc kiến nghị các cơ quan có trách nhiệm xử lý các đối tượng vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp theo dõi tình hình môi trường du lịch tại các khu du lịch, điểm du lịch trên vịnh; phát hiện kịp thời các hiện tượng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, các hành vi xâm phạm môi trường du lịch; xử lý hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

4. Chủ trì, phối hợp cùng các ngành liên quan thực hiện việc thẩm định, công bố các điểm dịch vụ du lịch trên vịnh; thẩm định, công bố các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch đạt tiêu chuẩn phục vụ khách trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà.

5. Phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm của các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch theo quy định hiện hành.

6. Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổ chức đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ du lịch cho nhân viên tham gia hoạt động dịch vụ du lịch.

7. Chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ phục vụ khách du lịch.

8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường.

Điều 25. Sở Giao thông vận tải

1. Kiểm tra, giám sát các quy định về an toàn, kỹ thuật đối với tàu du lịch, cảng, bến, khu vực neo đậu, luồng tuyến thủy nội địa và các công trình khác có liên quan; tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố cấp phép hoạt động, công bố cảng bến, điểm neo đậu, tuyến, luồng theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Chỉ đạo Cảng vụ đường thủy nội địa thực hiện quản lý cấp phép rời cảng, bến theo quy định của pháp luật và các quy định của Quy chế này.

3. Chủ trì, hướng dẫn, thẩm định, cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn đối với người điều khiển và các phương tiện thủy đủ điều kiện tham gia hoạt động dịch vụ du lịch. Cấp giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ an toàn giao thông cho nhân viên phục vụ trên tàu du lịch.

4. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục đội ngũ thuyền viên chấp hành các quy định của Nhà nước về giao thông đường thủy và các quy định về hoạt động phục vụ vận chuyển khách du lịch trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông đường thủy nội địa cho tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động dịch vụ du lịch trên vịnh.

5. Chủ trì cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà sau khi có ý kiến tham gia của Sở Du lịch, Sở Y tế, Công an thành phố và Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về đảm bảo an ninh an toàn, điều kiện kinh doanh tối thiểu và khả năng đáp ứng, vị trí điểm đỗ; đối với tàu thủy lưu trú du lịch phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận về khả năng đáp ứng điểm đỗ nghỉ đêm trên vịnh.

Điều 26. Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải

1. Tuyên truyền giáo dục, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà thực hiện đúng Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Chủ trì xây dựng và hướng dẫn thực hiện các quy định quản lý đối với điểm dịch vụ, loại hình dịch vụ phục vụ khách du lịch trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà

3. Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường. Chỉ đạo, triển khai tới các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà ký cam kết bảo vệ môi trường; đăng ký nội dung, hình thức hoạt động dịch vụ du lịch và thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định và đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông. Đồng thời, chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch trên vịnh.

4. Quản lý nhà nước trên địa bàn về toàn bộ hoạt động dịch vụ và vận chuyển khách du lịch trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà trừ các nội dung quản lý thuộc trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải theo Luật và Thông tư hiện hành.

5. Quản lý và chuẩn bị các điều kiện đảm bảo yêu cầu về an toàn, thuận tiện cho khách và tàu du lịch ra, vào các điểm tham quan, điểm neo đậu trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà.

6. Thực hiện bảo vệ cảnh quan, bảo vệ môi trường trên các vịnh; kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh môi trường tại các điểm kinh doanh dịch vụ du lịch.

7. Duy trì hoạt động 24/24h của hệ thống thông tin (VHF) liên lạc với các tàu du lịch trên kênh thường trực của Cảng vụ đường thủy nội địa Hải Phòng.

8. Là cơ quan thường trực cứu hộ, cứu nạn; chủ động phối hợp với các ngành, địa phương liên quan giải quyết các sự cố xảy ra trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà. Bố trí phương tiện để phục vụ nhiệm vụ tìm kiếm, cứu nạn và cứu hộ.

9. Đề xuất thành phố quy hoạch khu vực neo đậu tàu thủy lưu trú du lịch trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà. Tổ chức thu gom rác tại các điểm tham quan, khu vực neo đậu và vùng nước được giao quản lý theo quy định.

10. Tổ chức và phối hợp với các ngành và địa phương liên quan quản lý, kiểm tra, phát hiện và xử lý theo quy định đối với các hành vi vi phạm về vé tham quan vịnh, các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, cảnh quan vịnh.

11. Chỉ đạo các xã, thị trấn giáp ranh khu vực chưa thống nhất địa giới hành chính với tỉnh Quảng Ninh tăng cường công tác quản lý địa giới hành chính, có biện pháp xử lý, ngăn chặn các hành vi xâm lấn của tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động du lịch.

12. Chỉ đạo Ban Quản lý các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà thực hiện nhiệm vụ thu gom, vớt rác thải tại các điểm tham quan, điểm neo đậu; ký hợp đồng thu gom rác thải với các phương tiện thủy khi có nhu cầu; chủ trì xây dựng nội quy, quy định quản lý đối với các điểm tham quan, điểm neo đậu cho tàu lưu trú và

các loại hình dịch vụ khác trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà. Thực hiện nhiệm vụ bán vé, thu phí tham quan và tham quan lưu trú nghỉ đêm trên vịnh đối với các tàu thủy lưu trú du lịch trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà.

13. Chỉ đạo các xã, thị trấn thuộc huyện Cát Hải:

- Hướng dẫn việc thực hiện nhiệm vụ công tác bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi quản lý; tuyên truyền cho cộng đồng dân cư trên địa bàn trách nhiệm bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

- Phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp trên trực tiếp.

Điều 27. Các Sở, ban, ngành có liên quan

Có trách nhiệm tuân thủ đúng quy định về cấp phép thực hiện, phối hợp kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ các quy định liên quan thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Tổ chức, cá nhân hoạt động, kinh doanh du lịch trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà có trách nhiệm tạo điều kiện cho công tác thanh tra, kiểm tra việc thi hành Quy chế này; chấp hành quyết định của đoàn thanh tra, kiểm tra và có quyền giải trình, khiếu nại theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 29. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải và các tổ chức, cá nhân đầu tư, hoạt động kinh doanh du lịch, cư trú trên quần đảo Cát Bà chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Du lịch để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



PHỤ LỤC 01

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2018/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng.... năm 20....

**DANH SÁCH HÀNH KHÁCH SỬ DỤNG TÀU DU LỊCH
THAM QUAN TRÊN CÁC VỊNH THUỘC QUẢN ĐẢO CÁT BÀ**

Tên phương tiện:..... Số đăng ký:.....

Tên chủ phương tiện:.....

Địa chỉ:

Tên thuyền trưởng:..... Số bằng (CCCM):.....

Tuyên tham quan:.....

Thời gian rời bến: hồi....giờ....., ngày//.../20.....

Số khách xuống phương tiện..... người

Quốc tịch: VN..... người; nước ngoài người

STT	Họ và tên	Năm sinh (tuổi)	Nam/nữ	Địa chỉ nơi ở hiện nay	Quốc tịch	Ghi chú
1						
2						
3						
.....						

Tổng số hành kháchngười (bằng chữngười)

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH
(Ký, ghi rõ họ, tên)



PHỤ LỤC 02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2018/QĐ-UBND ngày 20/11/2018
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

CÁC TUYẾN THAM QUAN DU LỊCH TRÊN CÁC VỊNH THUỘC QUẢN ĐẢO CÁT BÀ

1. Tham quan ban ngày, gồm các tuyến:

- Tuyến 1: Bến Bèo - Làng Chài - Đảo Khi - Bến Bèo.
- Tuyến 2: Bến Bèo - Làng Chài - Đảo Khi - Hòn Rùa - Cửa Việt Hải - Quai Tơ - Ba Trái Đào - Hang Tối - Hang Sáng - Bến Bèo.
- Tuyến 3: Bến Gót - Gia Luận - Trà Báu - Áng Ông Cậm - Hang Tối - Hang Sáng - Gia Luận - Bến Gót.
- Tuyến 4: Bến tàu Trung tâm du lịch Cát Bà - Đảo Cát Ông - Chùa Thiên Ứng - Bến tàu trung tâm du lịch Cát Bà.

2. Tham quan lưu trú nghỉ đêm trên vịnh (Thời gian lưu trú tối đa tính 1 đêm là 24 giờ tính từ thời điểm xuất bến):

- Tham quan tuyến 1, 2, 4 và lưu trú qua đêm trên vịnh (Tham quan điểm lưu trú Áng Vẹm; Quai Tơ - Tùng Gấu; Tùng Tràng).
- Tham quan tuyến 3 và lưu trú qua đêm trên vịnh (Tham quan điểm lưu trú Thoi Quýt; Tùng Tràng).